

Báo cáo cập nhật KQKD Q1/2025

# CTCP TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT (HOSE: HPG)

Ngày 09/05/2025

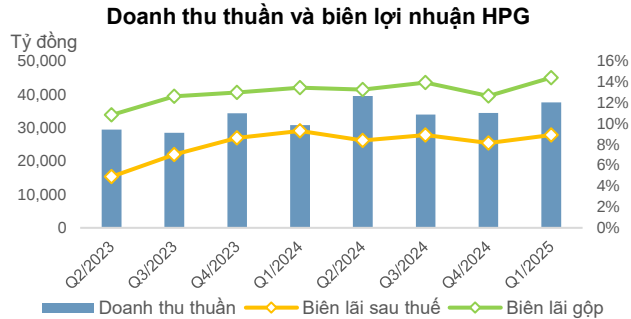


# TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT (HOSE: HPG)

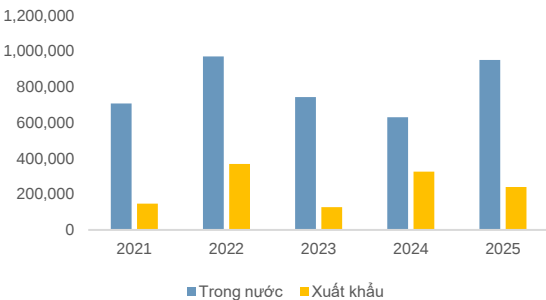
## KẾT QUẢ KINH DOANH KHẢ QUAN TRONG QUÝ 1 ĐẦU NĂM

- Doanh thu thuần** Q1/2025 tăng tốt 21.94% svck, lên mức 37,621.67 tỷ đồng, tương đương tăng 9.08% svqt, được kéo bởi mảng thép tăng trưởng tốt nhờ sản lượng bán thép thô tăng tốt. Biên lãi gộp và tăng tích cực từ mức lần lượt 13.46% vào Q1/2024 lên 14.42% chủ yếu nhờ chênh lệch giá bán và giá nguyên liệu.

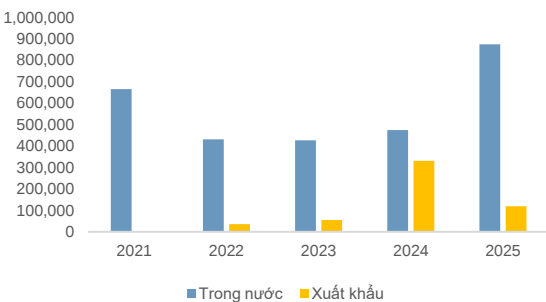
| Mảng kinh doanh | Doanh thu Q1/25 | Doanh thu yoy | Doanh thu qoq | Biên lãi gộp Q1/25 | Biên lãi gộp Q1/24 | Biên lãi gộp Q4/24 |
|-----------------|-----------------|---------------|---------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| Thép            | 35,433          | 23.7%         | 10.7%         | 17.8%              | 11.6%              | 15.5%              |
| Nông nghiệp     | 1,987           | 31.0%         | -1.4%         | 22.5%              | 13.3%              | 19.5%              |
| BDS             | 202             | -71.1%        | -58.0%        | 69.4%              | 59.8%              | 55.7%              |



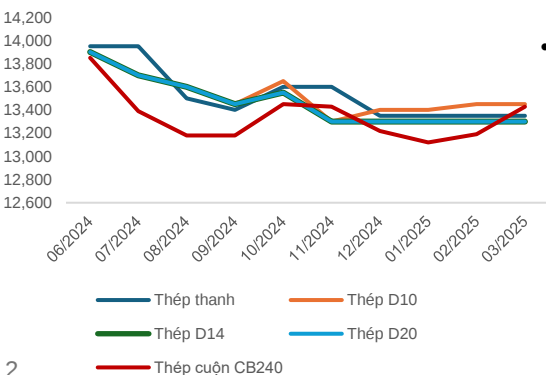
**Tình hình bán thép xây dựng quý 1**



**Tình hình bán thép HRC quý 1**



**Giá thép xây dựng HPG**



- Sản xuất và kinh doanh thép:** Trong quý 1/2025, HPG đã sản xuất tổng cộng gần 1.8 triệu tấn thép thô, giảm nhẹ 7.29% svck. Ngược lại, sản lượng bán hàng lại tăng tốt 24.05% svck một phần do HPG đẩy mạnh giải quyết lượng hàng tồn kho thành phẩm cuối năm 2024.

Thép xây dựng: sản lượng đạt 0.95 triệu tấn, -12.67% svck; tiêu thụ trong nước tăng mạnh +51.0% svck, xuất khẩu giảm -26.4% svck. Nguyên nhân cho sự biến động đã được chúng tôi trình bày trong [Báo cáo triển vọng ngành thép 2025](#)

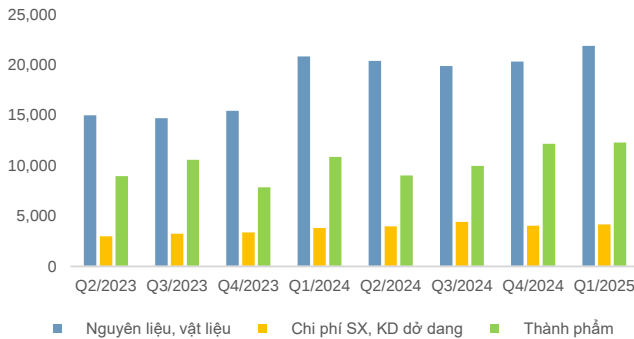
HRC: sản lượng sản xuất đạt 0.82 triệu tấn, gần như không giảm svck; tiêu thụ trong nước tăng cao +84.42% svck do thuế chống bán phá giá AD20 bắt đầu có hiệu lực từ tháng 3 giúp giảm cạnh tranh từ HRC Trung Quốc nhập khẩu. Trong khi đó, xuất khẩu giảm sâu -63.91% svck.

- Động lực tăng giá thép còn yếu.** Trong quý 1/2025, giá thép thô xây dựng HPG nhìn chung đi ngang ở mức thấp, duy chỉ có thép cuộn CB240 và thép thanh D10 tăng nhẹ trong quý. Chúng tôi cho rằng trong năm 2025, giá thép HPG dự kiến đi theo giá thép Trung Quốc do cạnh tranh vẫn còn do chênh lệch giá. Dù vậy, giá thép trong nước sẽ ổn định hơn. Giá nguyên liệu đầu vào tiếp tục duy trì ở mức thấp do cầu yếu, hỗ trợ duy trì biên lợi nhuận HPG.

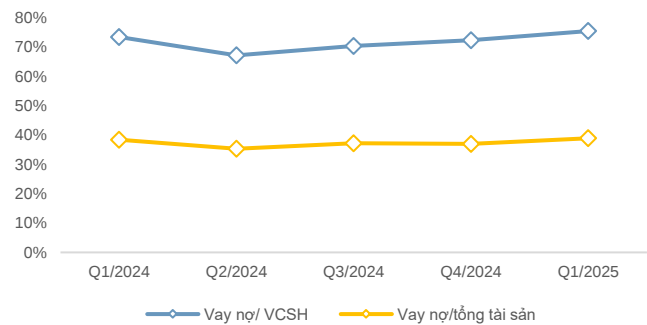
# TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT (HOSE: HPG)

- Dung Quất 2 đã bắt đầu vận hành GD 1.** Tính đến hết Q1/2025, giai đoạn 1 của dự án Dung Quất 2 đã hoàn thiện và được đưa vào chạy thử nghiệm với công suất 70- 80%. Tổng công suất sản xuất thép thô hiện nay của Hòa Phát đạt gần 11.5 triệu tấn, trong đó thép HRC đạt khoảng 5.8 triệu tấn. Lượng HRC mới cho ra dự kiến cũng làm tăng nhẹ biên lợi nhuận của doanh nghiệp nhờ công suất cao, chi phí vận hành thấp. Việc triển khai dự án Dung Quất 2 bước vào giai đoạn cuối cùng khiến HPG gia tăng nhu cầu vốn lưu động để bắt đầu vận hành, nợ vay ngắn hạn tăng 10.56% svqt.
- Tăng nhẹ hàng tồn kho nguyên vật liệu.** Tổng giá trị hàng tồn kho Q1/2025 tăng nhẹ 1.11% so với mức cao cuối 2024. Trong đó, giá trị nguyên vật liệu tăng 7.6% svqt, công cụ tăng 17.29% svqt cho thấy triển vọng về sản lượng và khả năng bán hàng vẫn khả quan với HPG trong 2025.

Một vài mục chính trong hàng tồn kho HPG



Tỷ lệ đòn bẩy tiếp tục tăng nhẹ



- Kỳ vọng trong năm 2025: Sản lượng bán hàng là yếu tố thúc đẩy doanh thu bán thép chính**
  - Các dự án đầu tư công được triển khai từ đầu năm khiến nhu cầu thép xây dựng nội địa tăng cao.
  - Xuất khẩu HRC của HPG kỳ vọng không bị biến động mạnh do không bị áp thêm thuế đối ứng từ Mỹ, trong khi mức thuế trước đó đã đủ 25%. Thậm chí, khả năng cạnh tranh tại thị trường này còn tăng do năm nay Mỹ đã ngừng miễn thuế nhập khẩu thép với các đối tác thương mại. Một trong những thị trường chính là EU cũng không đánh thuế nhập khẩu HRC với Hòa Phát.
  - Thuế bảo hộ thép HRC cũng là một trong những yếu tố hỗ trợ tăng tính cạnh tranh của HPG trên thị trường nội địa.
  - Ngoài ra, việc đi vào vận hành Dung Quất 2 cũng là 1 trong những yếu tố giúp tăng trưởng doanh thu năm nay. Về bài toán đầu ra HRC, Ban lãnh đạo vẫn thể hiện sự lạc quan nhờ thuế bảo hộ HRC nội địa và mức tiêu thụ trong nước.
- Yếu tố cần theo dõi:**
  - Kết quả cuối cùng về chống bán phá giá thép HRC nhập khẩu từ Trung Quốc
  - Sản lượng và giá nhập khẩu thép từ Trung Quốc năm 2025
  - Ảnh hưởng từ thuế quan từ Chính quyền Tổng thống Trump
  - Khả năng bán hàng HRC trong giai đoạn cuối 2025 khi đi vào vận hành lò cao số 2 Dung Quất 2

# TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT (HOSE: HPG)

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 1/2025 THEO NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH

|                                         | Q1-2025   | Q4-2024   | Q1-2024 | QoQ     | YoY     | % KH 2025 | %2025E (*) |
|-----------------------------------------|-----------|-----------|---------|---------|---------|-----------|------------|
| Doanh thu bán hàng                      | 37,951    | 35,232    | 31,093  | 7.72%   | 22.06%  | 22.32%    |            |
| Doanh thu thuần                         | 37,622    | 34,491    | 30,852  | 9.08%   | 21.94%  |           | 22.62%     |
| Mảng nông nghiệp                        | 1,987     | 2,014     | 1,517   | -1.34%  | 30.98%  |           |            |
| Mảng kinh doanh BĐS                     | 202       | 481       | 699     | -58.00% | -71.10% |           |            |
| Mảng bán thép                           | 35,433    | 31,995    | 28,637  | 10.75%  | 23.73%  |           |            |
| Sản lượng bán thép xây dựng             | 1,191,729 | 1,159,301 | 956,414 | 2.80%   | 24.60%  |           |            |
| Sản lượng bán HRC                       | 993,938   | 656,611   | 805,556 | 51.37%  | 23.39%  |           |            |
| Giá vốn bán hàng                        | 32,198    | 30,126    | 26,698  | 6.88%   | 20.60%  |           |            |
| Lợi nhuận gộp                           | 5,424     | 4,365     | 4,154   | 24.27%  | 30.58%  |           |            |
| Chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp | 1,085     | 748       | 958     | 45.15%  | 13.30%  |           |            |
| Lợi nhuận thuần HĐKD                    | 3,807     | 3,303     | 2,888   | 15.25%  | 31.82%  |           |            |
| Thu nhập trước thuế                     | 3,840     | 3,287     | 3,261   | 16.83%  | 17.74%  |           |            |
| Lợi nhuận sau thuế                      | 3,350     | 2,810     | 2,869   | 19.23%  | 16.75%  | 22.33%    | 22.48%     |
| Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ             | 3,344     | 2,809     | 2,871   | 19.07%  | 16.50%  |           |            |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

|                         | Q1-2025 | Q4-2024 | Q1-2024 | QoQ     | YoY     |
|-------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|
| TỔNG TÀI SẢN            | 228,862 | 224,490 | 201,940 | 1.95%   | 13.33%  |
| Tài sản ngắn hạn        | 88,914  | 86,674  | 94,032  | 2.58%   | -5.44%  |
| Tiền và ĐTNH            | 23,672  | 34,700  | 34,700  | -8.47%  | -31.78% |
| Khoản phải thu          | 10,856  | 7,648   | 12,105  | 41.95%  | -10.32% |
| Hàng tồn kho            | 46,604  | 46,091  | 42,714  | 1.11%   | 9.11%   |
| Tài sản dài hạn         | 139,947 | 137,815 | 107,908 | 1.55%   | 29.69%  |
| Tài sản cố định         | 85,838  | 67,428  | 71,016  | 27.30%  | 20.87%  |
| Bất động sản đầu tư     | 553     | 560     | 585     | -1.21%  | -5.52%  |
| Tài sản dở dang dài hạn | 47,620  | 63,751  | 30,175  | -25.30% | 57.81%  |
| Tài sản dài hạn khác    | 5,015   | 5,017   | 4,818   | -0.03%  | 4.11%   |
| TỔNG NGUỒN VỐN          | 228,862 | 224,490 | 201,940 | 1.95%   | 13.33%  |
| Nợ ngắn hạn             | 77,299  | 75,225  | 79,314  | 2.76%   | -2.54%  |
| Phải trả người bán      | 11,710  | 14,047  | 14,701  | -16.64% | -20.53% |
| Nợ vay ngắn hạn         | 61,785  | 55,883  | 61,438  | 10.56%  | 0.56%   |
| Nợ dài hạn              | 33,566  | 34,617  | 17,001  | -3.04%  | 97.43%  |
| Vay dài hạn             | 27,257  | 27,080  | 16,080  | 0.65%   | 69.51%  |
| Vốn chủ sở hữu          | 117,997 | 114,647 | 105,625 | 2.92%   | 11.71%  |
| Vốn cổ phần             | 63,963  | 63,963  | 58,148  | 0.00%   | 10.00%  |
| Lãi chưa phân phối      | 52,944  | 49,599  | 43,343  | 6.74%   | 22.15%  |

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

|                                           | Q1-2025 | Q4-2024 | Q1-2024 | QoQ    | YoY    |
|-------------------------------------------|---------|---------|---------|--------|--------|
| Biên lợi nhuận gộp                        | 14.42%  | 12.66%  | 13.46%  | 176đcb | 95đcb  |
| Biên lợi nhuận từ HĐKD                    | 10.12%  | 9.58%   | 9.36%   | 54đcb  | 76đcb  |
| Biên lợi nhuận sau thuế của CĐ công ty mẹ | 8.90%   | 8.15%   | 9.30%   | 76đcb  | -40đcb |
| Tồn kho/Tổng tài sản                      | 20.36%  | 20.53%  | 21.15%  | -17đcb | -79đcb |
| Nợ vay ròng/VCSH                          | 75.46%  | 72.36%  | 73.39%  | 310đcb | 207đcb |